

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG NGOẠI NGỮ DU LỊCH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	1
2.1 Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	1
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Đơn vị Trường Ngoại ngữ - Du lịch	3
2.3. Mục tiêu của chương trình	6
3. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP.....	8
3.1. Thông tin tuyển sinh	8
3.2. Quy trình đào tạo.....	9
3.3 Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp	9
4. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY	10
5. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	11
5.1. Chuẩn bị của giảng viên.....	12
5.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học.....	12
5.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học	13
6. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....	13
6.1. Quy trình đánh giá.....	13
6.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá	14
7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	14
7.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa	15
7.2. Nội dung chương trình	15
8. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN	22
8.1. Triết học (Philosophy)	22
8.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao (Advanced Research Methodology) .	22
8.3. Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	22
8.4. Tiếng Anh viết khoa học (Scientific Academic Written English)	23
8.5. Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	23
8.6. Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics).....	24
8.7. Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics).....	24
8.8. Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	24

8.9. Ngữ âm-Âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology).....	25
8.10. Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)	25
8.11. Ngữ nghĩa học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Semantics)	25
8.12. Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)	26
8.13. Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics).....	26
8.14. Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	27
8.15. Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	27
8.16. Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)	27
8.17. Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	28
8.18. Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Assessment) ...	28
8.19. Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar).....	29
8.20. Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (Language Curriculum Design)	29
8.21. Văn học Anh – Mỹ (British - American Literature).....	29
8.22. Phiên dịch tiếng Anh nâng cao (Advanced English Interpreting).....	30
8.23. Lý thuyết Biên – Phiên dịch	30
8.24. Đất nước học.....	30
8.25. Từ vựng học.....	31
8.26. Ứng dụng CNTT trong giảng dạy	31
8.27. Thực tập	31
8.28. Đề án tốt nghiệp.....	32
9. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	32
9.1. Bảng đối chiếu chương trình đào tạo	34
9.2. Bảng so sánh với các phiên bản khối kiến thức CTĐT trước đó của trường	42
Đại học Công nghiệp Hà Nội	42
9.3. Bảng so sánh với các phiên bản các học phần CTĐT trước đó của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.....	42
10. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	44
PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	45

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO*Chương trình: Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh**Năm ban hành: 2021***1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên chương trình (tiếng Việt):	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh
Tên chương trình (tiếng Anh):	English Linguistics
Mã ngành:	8220201
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Thời gian đào tạo:	1,5 năm/ 2,0 năm
Đơn vị giảng dạy:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị quản lý CTĐT:	Trường Ngoại ngữ Du lịch

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Đơn vị Trường Ngoại ngữ Du lịch, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1 Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

2.1.1 Tầm nhìn

Trở thành đại học đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng đa năng, phát triển theo mô hình đại học thông minh; đạt chuẩn quốc tế trong một số lĩnh vực then chốt; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, cộng đồng và doanh nghiệp.

2.1.2 Sứ mạng

Đào tạo nhân lực chất lượng cao; sáng tạo và chuyển giao tri thức, công nghệ tới xã hội và cộng đồng đáp ứng yêu cầu thời kỳ cách mạng công nghiệp, phục vụ xã hội và đất nước.

2.1.3 Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chung:

Trở thành đại học khoa học ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, đi đầu trong xu thế chuyển đổi số và quản trị thông minh. Sản phẩm giáo dục đào tạo nằm trong tốp đầu Việt Nam về khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, được ghi nhận về năng lực sáng tạo và khởi nghiệp; Sản phẩm khoa học công nghệ được công nhận và ứng dụng rộng rãi trong nước, một số lĩnh vực đạt tầm khu vực và quốc tế;

Mục tiêu cụ thể từng lĩnh vực:

a. Đào tạo

Phát triển và vận hành các CTĐT đạt chuẩn quốc gia và quốc tế. Mở mới các chương trình đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Đổi mới phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng công nghệ giáo dục mới; Hình thành môi trường học tập mở, sáng tạo và trải nghiệm.

b. Khoa học công nghệ

Đổi mới nghiên cứu và sáng tạo theo hướng hội nhập và đa dạng các loại hình, lĩnh vực khoa học công nghệ; Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Triển khai có hiệu quả các hoạt động sở hữu trí tuệ và bảo hộ kết quả nghiên cứu. Gắn nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ và nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Nâng tỉ lệ doanh thu từ các hoạt động khoa học công nghệ trong tổng doanh thu toàn trường.

c. Hợp tác phát triển

Thiết lập mối quan hệ đa dạng, cùng có lợi với các trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật quốc tế và tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm đào tạo và nghiên cứu. Khai thác có hiệu quả các nguồn lực thông qua các hoạt động hợp tác cùng phát triển.

d. Người học và kết nối cộng đồng

Phát triển năng lực toàn diện của người học thông qua việc hình thành môi trường học tập, sinh hoạt, rèn luyện mang tính mở, năng động và sáng tạo. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học. Mở rộng mạng lưới, khai thác có hiệu quả đóng góp từ đội ngũ cựu người học. Nâng cao vị thế và uy tín, ảnh hưởng của nhà trường qua các hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng.

e. Tài chính – cơ sở vật chất

Xây dựng hệ thống tài chính vững mạnh đảm bảo sự phát triển bền vững và tự chủ của nhà trường với nguồn thu đa dạng và ổn định; Khai thác và sử dụng nguồn tài chính hợp lý, hiệu quả. Hình thành cơ sở hạ tầng và môi trường giáo dục hiện đại, sáng tạo phù hợp với hệ sinh thái đại học thông minh; Đầu tư và khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;

f. Quản trị nhà trường và nguồn nhân lực

Xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với cơ chế tự chủ toàn diện và mô hình đại học hiện đại; Thiết lập và vận hành hệ thống quản trị nhà trường tiên tiến đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; Phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng đáp ứng các yêu cầu. Hình thành đội ngũ giảng viên, chuyên gia làm chủ và bước đầu ở vị thế dẫn dắt trong một số lĩnh vực công nghệ hiện đại, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường quốc tế.

g. Đảm bảo chất lượng và chuyển đổi số

Nhà trường và các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định quốc gia và quốc tế, từng bước nâng cao vị trí trong các bảng xếp hạng đại học; Hoàn thiện hệ thống Đại học điện tử, từng bước hình thành hệ thống Đại học thông minh.

h. Văn hóa và Thương hiệu

Phát triển văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội trên cơ sở phát huy truyền thống, tiếp thu, sáng tạo các giá trị văn hóa trong quá trình hội nhập. Nâng cao khả năng nhận diện thương hiệu và các sản phẩm của nhà trường đối với cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động truyền thông hiện đại.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Đơn vị Trường Ngoại ngữ - Du lịch

2.2.1. Tầm nhìn

Trường Ngoại ngữ - Du lịch phát triển thành một trung tâm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực hàng đầu trong lĩnh vực Ngôn ngữ/ Ngoại ngữ của Việt Nam, ngang tầm với các trường đại học uy tín trong nước, khu vực và quốc tế theo định hướng ứng dụng.

2.2.2. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Ngoại ngữ - Du lịch là trở thành đơn vị đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức, có đủ kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp để thực hiện được công tác biên dịch, phiên dịch, đào tạo, quản lý, tư vấn, NCKH và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Ngôn ngữ/ Ngoại ngữ.

2.2.3. Chiến lược phát triển

Trường Ngoại ngữ - Du lịch đã có những chiến lược cụ thể bao gồm:

- Phát triển chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra;
- Đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá;
- Cập nhật nội dung và học liệu;
- Nâng cao năng lực cho cán bộ và giảng viên;
- Tăng cường và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập;
- Xây dựng và cải thiện môi trường học tập, giảng dạy;
- Gắn kết hoạt động đào tạo với nhu cầu của xã hội.

2.2.3.1. Công tác chính trị tư tưởng

Để đảm bảo chất lượng đào tạo được phát triển toàn diện, Trường Ngoại ngữ - Du lịch cần triển khai những chính sách và hoạt động cụ thể. Đầu tiên là công tác chính trị, tư tưởng, truyền thông và cải cách hành chính. Được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, cán bộ viên chức cũng như học viên của đơn vị Trường Ngoại ngữ - Du lịch luôn quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của ngành Giáo dục và Đào tạo; phát huy quyền làm chủ của cán bộ viên chức, học viên, gắn liền với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Toàn thể cán bộ đoàn kết, đồng lòng với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như Nhà trường, góp phần xây dựng Nhà trường ngày càng vững mạnh.

2.2.3.2. Công tác học viên

Trường Ngoại ngữ - Du lịch đã xây dựng kênh liên lạc thường xuyên giữa học viên và cố vấn học tập, trưởng ngành và trợ lý khoa về các vấn đề liên quan đến học tập, rèn luyện, sinh hoạt, quyền và nghĩa vụ của học viên. Trường Ngoại ngữ - Du lịch nắm bắt thông tin và giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của học viên.

2.2.3.3. Đội ngũ giảng viên

Trường Ngoại ngữ - Du lịch có chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ được đào tạo ở trong và ngoài nước. Cụ thể, mục tiêu đến năm 2025 có 05 giảng viên có học hàm PGS, 20 giảng viên trình độ tiến sĩ, còn lại đạt trình độ thạc sĩ.

Để đội ngũ giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn và đổi mới phương pháp giảng dạy, Trường Ngoại ngữ - Du lịch sẽ xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm qua các khóa bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy hiện đại do chuyên gia có uy tín trong và ngoài nước giảng dạy.

Ban Giám hiệu Trường Ngoại ngữ - Du lịch luôn khuyến khích, động viên đội ngũ giảng viên Trường Ngoại ngữ - Du lịch nâng cao tinh thần không ngừng tự học, tự bồi dưỡng thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, các buổi hội thảo, hội giảng các cấp hàng năm.

2.2.3.4. Chương trình đào tạo

Trường Ngoại ngữ - Du lịch xây dựng, cập nhật và điều chỉnh Chương trình đào tạo thường xuyên cho phù hợp với xu thế chung, nội dung giảng dạy được thiết kế đa dạng, phong phú, mang tính ứng dụng cao và theo định hướng nghề nghiệp. Chương trình đào tạo ngoại ngữ không chuyên bám sát định hướng chuẩn đầu ra; nội dung giảng dạy cho học viên chuyên ngữ được điều chỉnh linh hoạt để có thể phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại. Ngoài ra, Trường Ngoại ngữ - Du lịch đã, đang và sẽ xây dựng các kế hoạch phối hợp với tổ chức Hội Đồng Anh (British Council), Văn phòng Tiếng Anh khu vực (RELO Vietnam), Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Hội nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh (VietTESOL) v.v.. mở nhiều khóa bồi dưỡng về phát triển chương trình đào tạo, xây dựng học liệu cho cán bộ giảng viên ngoại ngữ.

2.2.3.5. Nghiên cứu khoa học & hợp tác quốc tế

Công tác nghiên cứu khoa học, xuất bản và hợp tác quốc tế cũng là một trong những ưu tiên trọng điểm của Khoa kể từ khi thành lập. Với chức năng nhiệm vụ là đào tạo và nghiên cứu khoa học, lãnh đạo đơn vị luôn quan tâm chỉ đạo cán bộ đầu tư thời gian và công sức NCKH để nâng cao trình độ, cải tiến phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo. Đặc biệt là những hoạt động chuyên môn liên quan đến Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Giai đoạn 2021-2025, Trường Ngoại ngữ - Du lịch dự kiến tổ chức các chương trình hội thảo, khóa bồi dưỡng nâng cao với sự tham gia của những học giả uy tín từ các trường Đại học hàng đầu trong và ngoài nước như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Queensland (Úc), Đại học Flinders (Úc), Đại học RMIT Australia, Đại học bang Georgia (Mỹ), Đại học Reading (Anh), Đại học Victoria (New Zealand) v.v...

Về hợp tác quốc tế, Trường Ngoại ngữ - Du lịch tiếp tục phát triển chương trình liên kết quốc tế với Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Quảng Tây – Trung Quốc. Ngoài ra, Trường Ngoại ngữ - Du lịch đã, đang và sẽ tiếp tục xây dựng mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức, đơn vị đào tạo lớn trên thế giới như Hội Đồng Anh, Đại sứ quán Mỹ, văn phòng tiếng Anh khu vực RELO, Hội nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh VietTESOL v.v...

2.2.3.6. Cơ sở vật chất

Một nhiệm vụ quan trọng khác trong việc đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội và Trường Ngoại ngữ - Du lịch là tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và đời sống. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ do Nhà trường phân bổ. Thiết bị máy móc tại phòng học chuyên môn, phòng lab và các thiết bị tại văn phòng luôn được bảo trì, kiểm tra định kỳ bởi cán bộ chuyên trách. Phần đầu đến năm 2025 có thêm nhiều phòng làm việc đặt tại tầng 3 và 4 nhà A2. Các phòng làm việc sẽ được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác chuyên môn, quản lý: máy tính kết nối mạng internet, máy in, điều hòa, máy chiếu, máy photocopy... để phục vụ riêng cho việc giảng dạy, học tập lý thuyết và nghiên cứu cho Học viên. Tất cả các phòng học sẽ được trang thiết bị nghe nhìn hiện đại như màn hình tương tác; máy tính; hệ thống âm thanh loa, micro; bàn, ghế chuyên dụng cho việc giảng dạy và học tập tiếng Anh. Đối với tài liệu dạy học, vật dụng phục vụ cán bộ văn phòng, Trường Ngoại ngữ - Du lịch chủ trương đảm bảo phân bổ hợp lý để việc sử dụng được hiệu quả, phù hợp và không lãng phí.

2.3. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, trình độ thạc sĩ được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành ngôn ngữ Anh được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo đội ngũ chuyên môn có kiến thức sâu rộng và tiên tiến về ngôn ngữ học tiếng Anh và các kiến thức khoa học liên quan; am hiểu về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Anh, đồng thời vận dụng sáng tạo các kiến thức được học vào công việc chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Anh một cách hiệu quả. Học viên sau khi tốt nghiệp có các kỹ năng như kỹ năng phân biệt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên

cứu phát triển, đổi mới và sử dụng công nghệ phù hợp với công tác chuyên môn và nghiên cứu; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh. Học viên tích lũy phẩm chất, trau dồi kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp cần thiết; có khả năng tự định hướng, thích nghi với công việc; có khả năng hướng dẫn, dẫn dắt chuyên môn, đồng thời có khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến chất lượng công việc chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh, và có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi tốt nghiệp chương trình ngôn ngữ Anh trình độ Thạc sĩ cần đạt được những mục tiêu cụ thể sau đây:

+ Kiến thức:

- Nắm vững kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, các nguyên lý và học thuyết cơ bản về triết học và ngôn ngữ học;

- Nắm vững phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức dịch thuật nâng cao, kiến thức về thiết kế và phát triển các khoá học tiếng Anh và kiến thức chung về quản trị, quản lý trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh;

+ Kỹ năng:

- Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề chuyên môn; và kỹ năng truyền đạt tri thức liên quan đến ngành ngôn ngữ Anh một cách khoa học;

- Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh; và trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam;

- Phát triển các phẩm chất, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp cần thiết để phục vụ học tập, nghiên cứu và các công tác chuyên môn trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh.

+ Thái độ:

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân như bản lĩnh, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, linh hoạt, sáng tạo;

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như đam mê nghiên cứu khám phá kiến thức mới, có trách nhiệm trong công việc và với cộng đồng;

- Có phẩm chất đạo đức xã hội như tôn trọng luật pháp, có tinh thần kỷ luật, có lối sống trong sáng, lành mạnh.

+ *Mức độ tự chủ và trách nhiệm*

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi và tư vấn phù hợp với môi trường nghề nghiệp thay đổi.

- Đánh giá và tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp theo chuyên ngành.

- Đánh giá và phân biệt thông tin kế toán khoa học, tiên tiến để đưa ra giải pháp hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Tự định hướng và thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi

- Thực hiện tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh nói riêng, và lĩnh vực ngôn ngữ nói chung.

+ *Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:*

Học viên sau khi tốt nghiệp trình độ Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhận những vị trí công tác sau đây:

- Nhà khoa học có khả năng hướng dẫn, dẫn dắt chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh;

- Chuyên viên các tổ chức giáo dục, viện nghiên cứu trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh;

- Biên dịch viên, phiên dịch viên tiếng Anh ở trình độ nâng cao; chuyên gia đánh giá văn bản dịch;

- Giáo viên tiếng Anh tại các trung tâm ngoại ngữ, trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, giảng viên tiếng Anh tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên và không chuyên ngoại ngữ.

+ *Trình độ Ngoại ngữ:*

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

3. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

3.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh:

Theo quy chế tuyển sinh thạc sĩ của Bộ GD&ĐT, quy chế tuyển sinh thạc sĩ của trường ĐHCNHN cập nhật tại <https://cps.hau.edu.vn/vn>.

- Đối tượng tuyển sinh:

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Phương thức tuyển sinh:

Phương thức tuyển sinh cho từng năm tuyển sinh do Trường quyết định, bao gồm xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

3.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để học viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng gồm 60 tín chỉ đối với người có trình độ thuộc ngành phù hợp.

- Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo.

- Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ, đối với hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm (18 tháng) tính từ thời điểm công nhận học viên, gồm 03 học kỳ; đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,0 năm (24 tháng) tính từ thời điểm công nhận học viên, gồm 04 học kỳ.

- Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học được quy định trong Quy chế này và không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

3.3 Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp như sau:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu;

Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục & Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Nhà trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Trường Ngoại ngữ - Du lịch có 07 Khoa đào tạo chuyên môn: Khoa Ngôn ngữ Anh, Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc, Khoa Ngôn ngữ Nhật Bản, Khoa Ngôn ngữ Hàn Quốc, Khoa Tiếng Việt & Văn hóa Việt Nam, Khoa Du lịch và Khoa Quản trị nhà hàng – khách sạn; 2 Phòng hành chính: Phòng Tổng hợp; Phòng Đào tạo, khoa học công nghệ và công tác sinh viên; 2 Trung tâm hỗ trợ và dịch vụ: Trung tâm đào tạo bồi dưỡng và hợp tác phát triển; Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Hiện nay Khoa tham gia trực tiếp đào tạo là Khoa Ngôn ngữ Anh có hơn 200 cán bộ, giảng viên, trong đó có 01 Phó giáo sư và 17 tiến sĩ, 180 thạc sĩ và 20 cử nhân đại học. Độ tuổi bình quân của cán bộ, giảng viên là 42 tuổi.

Bảng 2. Thống kê đội ngũ giảng viên của Đơn vị Khoa Ngôn ngữ Anh

(Trường Ngoại ngữ - Du lịch) năm 2021

Stt	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30 – 40	41– 50	51 – 60	>60
1	Giáo sư/Phó giáo sư	1			1					
2	Tiến sĩ	17		2	15					
3	Thạc sĩ	180		5	175					
4	Đại học	20		2	18					
Tổng số										

Đơn vị Trường Ngoại ngữ - Du lịch hiện tại đang quản lý 03 phòng thí nghiệm chuyên ngành phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và học viên. Các phòng thí nghiệm và thiết bị được phân công quản lý bởi Khoa Ngôn ngữ Anh.

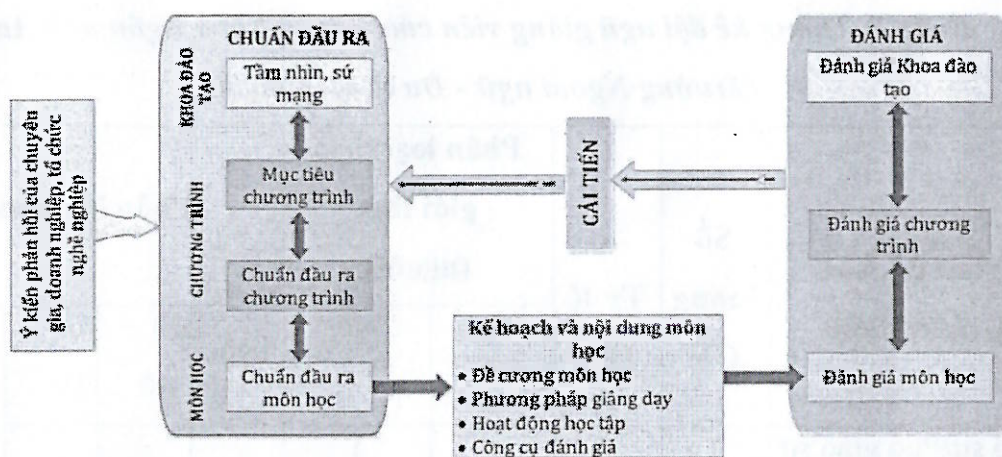
Bảng 3. Thống kê phòng thí nghiệm chuyên ngành

TT	Tên phòng thí nghiệm	Vị trí
1	Phòng thực hành Phiên dịch số 1	P538 - A14
2	Phòng thực hành Phiên dịch số 2	P539 - A14
3	Phòng thu âm	P306-A12

Các phòng thí nghiệm chuyên ngành được đầu tư các thiết bị và mô hình hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo Trường Ngoại ngữ - Du lịch.

5. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của ngành thạc sĩ Ngôn ngữ Anh tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.



Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Đơn vị Trường Ngoại ngữ Du lịch

5.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành thạc sĩ Ngôn ngữ Anh lịch cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin học phần mà mình đang giảng dạy (học phần có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc hay tự chọn);
- Nắm rõ hình thức, phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);
- Hiểu rõ lớp học phần (Danh sách học viên, lớp, khóa đào tạo)
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập;

5.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 4.

Bảng 4. Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của Học viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng

Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	Mô phỏng; Thực tế Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Học viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, đề án tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

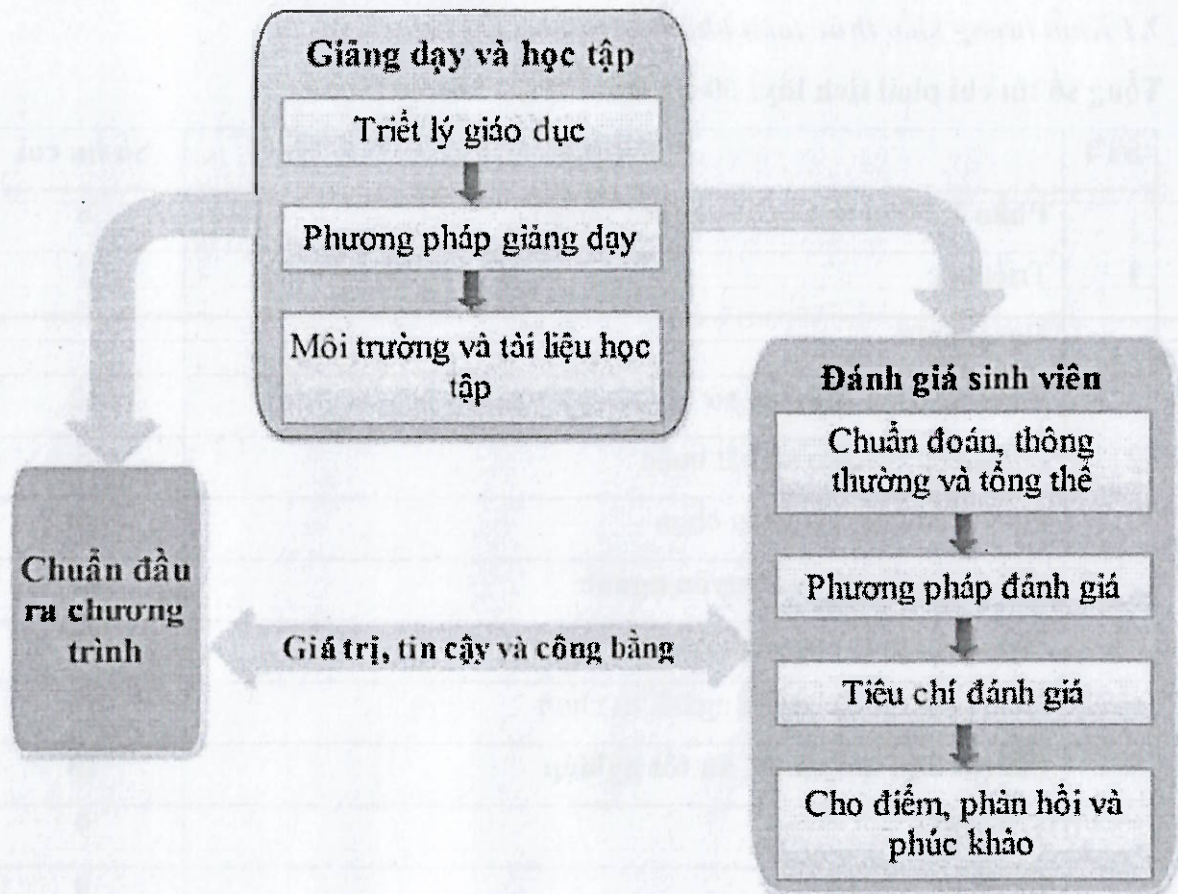
5.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ tối thiểu 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;
 - Có nhiều hình thức hỗ trợ học viên trong nghiên cứu ngôn ngữ và các lĩnh vực liên quan, phù hợp với nhu cầu của xã hội trong giai đoạn hội nhập;
 - Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của học viên về phương pháp dạy học, phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV;
 - Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

6. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

6.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá học viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần. Chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT ngành thạc sĩ Ngôn ngữ Anh. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá học viên bao gồm các hình thức đánh giá trong kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: bài kiểm tra tự luận, vấn đáp, dự án, đề án tốt nghiệp. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, học viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).



Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá học viên

6.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các học phần từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức chung, cơ sở, chuyên ngành và tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các học phần, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, rèn luyện được tác phong, kỷ luật, nâng cao khả năng tự đọc, tự nghiên cứu độc lập.

7.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ

STT	Nội dung	Số tín chỉ
1	Phần 1. Kiến thức chung (bắt buộc)	3
	Triết học	3
	Ngoại ngữ*	
2	Phần 2. Kiến thức cơ sở	12
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	6
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	6
3	Phần 3. Kiến thức chuyên ngành	27
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	12
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	15
4	Phần Thực tập và Đề án tốt nghiệp	18
	Thực tập	9
	Đề án tốt nghiệp	9
Tổng		60

7.2. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần		
					LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐaMH/ TT
1	Phần chữ	Phần số	Phần 1. Kiến thức chung	3	3	0	0
	LP	7101.1	Triết học (Philosophy)	3	3	0	0
2			Phần 2. Kiến thức Cơ sở	12	12	0	0
			<i>Bắt buộc</i>	6	6	0	0
	FL	7102.1	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	3	3	0	0
	FL	7103.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research	3	2	1	0

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần		
					LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐaMH/ TT
			Methods)				
	TcNNA1		Tự chọn nhóm 1 (chọn 2 trong 5 học phần)	6	6	0	0
	FL	7104.1	Tiếng Anh viết khoa học (Scientific Academic Written English)	3	3	0	0
	FL	7105.1	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	3	3	0	0
	FL	7106.1	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3	3	0	0
	FL	7107.1	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive linguistics)	3	3	0	0
	FL	7115.1	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	3	3	0	0
3			Phần 3. Kiến thức Chuyên ngành	27	27	0	0
			Bắt buộc	12	12	0	0
	FL	7109.1	Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology)	3	3	0	0
	FL	7110.1	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)	3	3	0	0
	FL	7111.1	Ngữ nghĩa học tiếng Anh (English Semantics)	3	3	0	0
	FL	7112.1	Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)	3	3	0	0

STT	Mã học phần	Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần		
				LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐaMH/ TT
	TcNNA2	<i>Tự chọn nhóm 2 (Chọn 5 trong 8 học phần)</i>	15	15	0	0
		7113.1 Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics)	3	3	0	0
	FL	7114.1 Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	3	3	0	0
	FL	7108.1 Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	3	3	0	0
	FL	7116.1 Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)	3	3	0	0
	FL	7117.1 Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	3	3	0	0
	FL	7118.1 Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language testing and assessment)	3	3	0	0
	FL	7119.1 Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	3	3	0	0
	FL	7120.1 Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (Language Curriculum design)	3	3	0	0
4		Phần 4. Thực tập và Đề án tốt nghiệp	18	0	0	18

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần		
					LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐaMH/ TT
	FL	7122.1	Thực tập	9	0	0	9
	FL	7121.1	Đề án tốt nghiệp	9	0	0	9
			Tổng	60	42	0	18

Ghi chú:

(*) Học phần Ngoại ngữ: Học viên tự học có kết quả "Đạt" của kỳ đánh giá năng lực trình độ ngoại ngữ do Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội tổ chức hoặc có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

8. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Kế hoạch đào tạo toàn khóa

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			3				
1	LP	7101.1	Triết học	3	X			
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			12				
2.1	Các học phần cơ sở bắt buộc			6				
1	FL	7103.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	X			
2	FL	7102.1	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	3	X			
2.2	Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)			6				
1	FL	7104.1	Tiếng Anh viết khoa học (Scientific Academic Written English)	3	X			
2	FL	7105.1	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	3	X			
3	FL	7106.1	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3	X			
4	FL	7107.1	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive linguistics)	3	X			
5	FL	7115.1	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	3	X			
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			27				
3.1	Các học phần chuyên ngành bắt buộc			12				
1	FL	7109.1	Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology)	3		X		
2	FL	7110.1	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao	3		X		

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
			(Advanced English Grammar)					
3	FL	7111.1	Ngữ nghĩa học tiếng Anh (English Semantics)	3		X		
4	FL	7112.1	Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)	3		X		
3.2	Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 15 tín chỉ trong các học phần sau)			15				
1	FL	7113.1	Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics)	3			X	
2	FL	7114.1	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	3			X	
3	FL	7108.1	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	3			X	
4	FL	7116.1	Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)	3			X	
5	FL	7117.1	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	3			X	
6	FL	7118.1	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language testing and assessment)	3			X	
7	FL	7119.1	Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	3			X	
8	FL	7120.1	Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (Language Curriculum design)	3			X	

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
IV	PHẦN THỰC TẬP VÀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			18				
1	FL	7122.1	Thực tập	9			X	
2	FL	7121.1	Đề án tốt nghiệp	9				X
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				60	15	12	24	9

8. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

8.1. Triết học (Philosophy)

Mã học phần: LP7201

Số tín chỉ: 4 (4,0,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc các ngành khoa học xã hội - nhân văn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản: Khái luận về triết học; thế giới quan và phương pháp luận của nhận thức và thực tiễn; lý luận triết học về chính trị, xã hội và con người; học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và ý thức xã hội. Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt là nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học.

8.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao (Advanced Research Methodology)

Mã học phần: BM7226

Số tín chỉ: 3 (2,0,1,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý về nghiên cứu khoa học, khung lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu và các phương pháp tổ chức nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Từ đó, học viên hình thành kỹ năng nghiên cứu, vận dụng kiến thức để lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp, tổ chức thiết kế nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế - xã hội dựa trên phương pháp thu thập, phân tích dữ liệu phù hợp và có hệ thống. Đồng thời, giúp học viên phát hiện vấn đề mới, cơ sở đề xuất giải pháp trong đời sống xã hội dựa trên dữ liệu thông tin.

8.3. Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)

Mã học phần: FL7202

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần cung cấp cho học viên những tri thức lí luận cơ bản nhất về ngôn ngữ và ngôn ngữ học qua cách thức tiếp cận ngôn ngữ như: bản chất và chức năng của

ngôn ngữ, hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ, cơ chế hoạt động của ngôn ngữ, ngôn ngữ học và các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ.

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng hiểu và vận dụng được các vấn đề lí luận ngôn ngữ vào công việc, học tập và nghiên cứu.

8.4. Tiếng Anh viết khoa học (Scientific Academic Written English)

Mã học phần: FL7204

Số tín chỉ: 2(2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 1

Học phần giới thiệu những khái niệm cơ bản về viết tiếng Anh học thuật như kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng chọn lọc tài liệu cho cơ sở lý thuyết, kỹ năng tạo thư viện điều tử để lưu giữ tư liệu. Học viên cũng được tạo cơ hội phát triển tư duy phê phán thông qua việc thực hành phân tích văn bản làm nền tảng cho các ý tưởng, luận điểm cho viết học thuật.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể sử dụng kiến thức và kĩ năng cần thiết trong quá trình viết tiếng Anh học thuật để thực hiện trong công việc và trong nghiên cứu ngôn ngữ.

8.5. Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)

Mã học phần: FL7205

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 1

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học xã hội như bối cảnh ra đời, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành; các khái niệm cơ bản như biến thể ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, sự lựa chọn ngôn ngữ, các yếu tố và cấu trúc xã hội gây ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi ngôn ngữ (giới tính, tuổi, dân tộc, văn hóa, v.v.); các nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội vĩ mô và ngôn ngữ học xã hội vi mô. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị cho học viên các kĩ năng và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội để ứng dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ.

Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể khái quát hoá kiến thức về ngôn ngữ học xã hội, lí giải những hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể và phân tích đặc điểm của từng địa hạt ứng dụng ngôn ngữ.

8.6. Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)

Mã học phần: FL7206

Số tín chỉ: 3 (3,0,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần trang bị cho học viên cấp kiến thức và kỹ năng sơ khởi về ứng dụng ngôn ngữ học trên 3 bình diện của Ngôn ngữ học ứng dụng (Kí hiệu học ngôn ngữ, Giáo dục ngôn ngữ và Các ứng dụng trong ngôn ngữ). Đồng thời, học phần cũng định hướng cho học viên thực hành các kỹ năng đó trong thực tế sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.

8.7. Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)

Mã học phần: FL7207

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 1

Học phần giới thiệu cho học viên lý thuyết, các hướng tiếp cận cơ bản với quá trình tri nhận ngôn ngữ của con người. Học phần trang bị cho học viên cái nhìn toàn diện, sâu sắc hơn về quá trình học ngôn ngữ, cũng như các kiến thức cơ bản làm nền tảng để hiểu về các phương pháp nghiên cứu, và đường hướng giảng dạy ngôn ngữ.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể nhận biết bản chất của quá trình tri nhận đặc thù tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ, phân tích các hiện tượng ngôn ngữ dưới góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận.

8.8. Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)

Mã học phần: FL7208

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 2

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành được thiết kế để cung cấp cho học viên khung lý thuyết để thiết kế và triển khai các khóa học tiếng Anh chuyên ngành; làm quen với các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành. Học viên có thể vận dụng kiến thức tổng quan về tiếng Anh chuyên ngành để xác định đường hướng, nội dung, tài liệu và phương pháp giảng dạy cũng như hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp trong các khoá học tiếng Anh chuyên ngành.

Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể thiết kế và phát triển một khóa học và tài liệu tiếng Anh để phù hợp với nhu cầu của một nhóm người học cụ thể.

8.9. Ngữ âm- Âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology)

Mã học phần: FL7209

Số tín chỉ: 3 (3,0,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về ngữ âm và âm vị học trong tiếng Anh, bao gồm những lý thuyết các loại hình ngữ âm học, các quy tắc về các đơn vị đoạn tính, các đơn vị siêu đoạn tính.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể nhận diện, ghi nhớ và phân biệt được các loại hình ngữ âm học (ngữ âm học cấu âm, ngữ âm học âm học, ngữ âm học thính giác, ngữ âm học nhận thức), các quy tắc về các đơn vị đoạn tính (nguyên âm, phụ âm, âm vị, biến đổi âm vị), các đơn vị siêu đoạn tính (âm tiết, trọng âm, thanh điệu, ngữ điệu). Đồng thời, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ âm, âm vị học trong tiếng Anh, từ đó áp dụng vào thực tế sử dụng ngôn ngữ.

8.10. Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)

Mã học phần: FL7210

Số tín chỉ: 3 (3,0,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao cung cấp kiến thức về một số kiến thức chung cơ bản về các trường phái ngữ pháp khác nhau như ngữ pháp truyền thống, ngữ pháp biến đổi- tạo sinh, ngữ pháp chức năng-hệ thống, ngữ pháp tri nhận, các đường hướng nghiên cứu ngữ pháp. Học phần tập trung vào các kiến thức về hình thái và cú pháp của ngôn ngữ tiếng Anh.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể sử dụng kiến thức vào phân tích, tổng hợp các đặc tính ngôn ngữ về ngữ pháp. Đồng thời, học viên có thể thực hiện những nghiên cứu chuyên sâu về ngữ pháp tiếng Anh và lý giải các hiện tượng ngữ pháp sử dụng trong thực tế.

8.11. Ngữ nghĩa học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Semantics)

Mã học phần: FL7211

Số tín chỉ: 3 (3,0,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về ngữ nghĩa học trong tiếng Anh như nghĩa và các vấn đề liên quan đến nghĩa, nghĩa của từ (phân loại

nghĩa của từ, mối quan hệ về nghĩa của từ, sự biến đổi nghĩa của từ), nghĩa của câu (chức năng nghĩa của câu, nghĩa tình thái, nghĩa văn bản, nghĩa liên nhân, nghĩa biểu hiện), nghĩa của phát ngôn (hành động lời nói, hàm ngôn, tiền giả định, các nguyên tắc hội thoại).

Sau khi học xong học phần ngữ nghĩa học tiếng Anh, học viên có thể sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác, đa dạng và linh hoạt hơn. Đồng thời, học viên có thể ứng dụng kiến thức vào nghiên cứu ngôn ngữ và công việc thực tế.

8.12. Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)

Mã học phần: FL7212

Số tín chỉ: 3 (3,0,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần nhằm củng cố cho học viên kiến thức tổng quát về các khái niệm căn bản, các phương pháp, kỹ thuật dịch theo các chủ đề tiếng Anh chuyên ngành đồng thời nâng cao các phương pháp đánh giá, thẩm định chất lượng văn bản dịch. Học phần cũng giúp học viên mở rộng vốn từ vựng và kiến thức chuyên ngành để thực hiện các nhiệm vụ dịch.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể sử dụng kiến thức lĩnh hội để đưa vào thực hành dịch thuật các tài liệu chuyên ngành.

8.13. Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics)

Mã học phần: FL7213

Số tín chỉ: 2(2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 2

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học Tiếng Anh, về ngữ nghĩa trong giao tiếp Tiếng Anh, về nghĩa của câu và phát ngôn như hàm ngôn và tiền giả định để có thể vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh, có thể hiểu được ý định giao tiếp của người nói trong hoàn cảnh giao tiếp nhất định. Các nội dung chính bao gồm: ngữ nghĩa của câu và phát ngôn, tiền giả định, tham chiếu, suy diễn, nguyên tắc cộng tác trong giao tiếp, hàm ngôn hội thoại, hàm ngôn qui ước, hoạt động lời nói...

Sau khi học xong học phần, học viên có thể sử dụng kiến thức lĩnh hội để tiến hành các nghiên cứu về ngữ dụng học tiếng Anh và tiếng Việt phục vụ công việc liên quan đến ngoại ngữ.

8.14. Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)

Mã học phần: FL7214

Số tín chỉ: 2(2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 2

Học phần được xây dựng nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về diễn ngôn với tư cách là một đơn vị giao tiếp, với những hình thức thể hiện và chức năng cơ bản nhất. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu những đặc điểm về chủ đề, cấu trúc nội dung và những công cụ phân tích diễn ngôn. Nội dung học phần bao gồm một số chủ đề như các vấn đề cơ bản của phân tích diễn ngôn, đặc trưng của diễn ngôn, các công cụ vấn hỏi và phân tích diễn ngôn.

Sau khi học xong học phần, người học nắm được mối liên quan chặt chẽ giữa chúng và ứng dụng một số đường hướng trong phân tích diễn ngôn để phân tích các văn bản nói và viết tiếng Anh.

8.15. Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)

Mã học phần: FL7215

Số tín chỉ: 02 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 1

Học phần cung cấp những kiến thức cần thiết về Ngôn ngữ học đối chiếu, các nguyên tắc, phương pháp, thao tác đối chiếu ngôn ngữ, những kiến thức về các bình diện nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ. Học viên được hướng dẫn để thực hành đối chiếu các hiện tượng ngôn ngữ, các hoạt động lời nói, các hiện tượng lời nói trong thực tế giao tiếp.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể dụng kiến thức lĩnh hội để đưa vào thực hành đối chiếu các hiện tượng ngôn ngữ trong thực tế giao tiếp, trong công việc và trong nghiên cứu ngôn ngữ.

8.16. Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)

Mã học phần: FL7216

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 2

Học phần trang bị cho học viên hiểu biết sâu sắc về giao tiếp liên văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá, giúp học viên có cái nhìn toàn diện, cởi mở về sự khác biệt và đa dạng giữa các nền văn hoá, cũng như trong một nền văn hoá.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kỹ năng cần thiết để giao tiếp liên văn hoá, chiêm nghiệm về những giá trị, bản sắc văn hoá cá nhân, và biết trân trọng hơn những tương đồng và khác biệt văn hoá, cũng như giảng dạy ngôn ngữ hiệu quả trong bối cảnh liên văn hoá.

8.17.Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)

Mã học phần: FL7217

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 2

Học phần trình bày tổng quan vấn đề lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ; đồng thời cung cấp những kiến thức về xu hướng, chiến lược, phương pháp và kỹ thuật dạy học ngoại ngữ.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng kiến thức lĩnh hội vào việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên quan đến lớp học ngoại ngữ, phân tích tình huống và lựa chọn phương pháp dạy phù hợp nhằm thực hiện dạy học ngoại ngữ hiệu quả.

8.18.Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Assessment)

Mã học phần: FL7218

Số tín chỉ: 2(2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 2

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức tổng quan về kiểm tra, đánh giá năng lực ngôn ngữ cũng như các hình thức kiểm tra đánh giá, tác động của kiểm tra đánh giá đối quá trình học tập và giảng dạy, đánh giá trong lớp học. Học phần cũng giúp học viên phát triển khả năng thiết kế bài kiểm tra đánh giá (thiết kế bản đặc tả kỹ thuật đề thi cho các kỹ năng ngôn ngữ, các bài kiểm tra đánh giá dựa trên bản đặc tả kỹ thuật đề thi), và đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá trong bối cảnh giáo dục cụ thể.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng kiến thức tổng quan về kiểm tra, đánh giá để thiết kế hoạt động kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu và bối cảnh giảng dạy, đồng thời đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá trong bối cảnh giảng dạy cụ thể.

8.19. Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)

Mã học phần: FL7219

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 2

Học phần nhằm trang bị cho học viên tổng quan về lý thuyết chức năng hệ thống do Halliday và các nhà ngôn ngữ học chức năng phát triển. Học viên được cung cấp một số khái niệm và phạm trù cơ bản, từ khái quát đến cụ thể về ngữ pháp chức năng nói chung, lấy tiếng Anh làm ngôn ngữ minh họa.

Sau khi học xong học phần, học viên có hiểu biết về sự hình thành của khuynh hướng ngữ pháp chức năng, ghi nhớ các vấn đề lý thuyết của ngữ pháp chức năng nói chung và tiếng Anh nói riêng; có thể áp dụng vào việc mô tả và phân tích câu tiếng Anh.

8.20. Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (Language Curriculum Design)

Mã học phần: FL7220

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 2

Học phần trang bị cho học viên tổng quan vấn đề lý luận trong thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ, các bước thiết kế chương trình và các vấn đề cần quan tâm khi phát triển chương trình dạy học ngoại ngữ. Học phần cũng giúp học viên phát triển khả năng lên ý tưởng, xây dựng kế hoạch thiết kế một chương trình giảng dạy ngoại ngữ, khả năng lựa chọn, điều chỉnh và thiết kế tài liệu giảng dạy phù hợp với mục tiêu giảng dạy và bối cảnh giáo dục cụ thể, đồng thời phát triển khả năng tư duy phản biện, đánh giá sự phù hợp trong thiết kế một chương trình giảng dạy ngoại ngữ cụ thể và đưa ra những giải pháp phù hợp.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể áp dụng kiến thức linh hoạt để lên ý tưởng thiết kế một chương trình giảng dạy ngoại ngữ, đánh giá sự phù hợp trong thiết kế trong thiết kế một chương trình giảng dạy ngoại ngữ cụ thể và đưa ra những giải pháp để khắc phục những khía cạnh chưa phù hợp trong thiết kế chương trình.

8.21. Văn học Anh – Mỹ (British - American Literature)

Mã học phần: FL7222

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 2

Học phần trang bị cho học viên hiểu biết sâu sắc về một số tác giả và tác phẩm văn học Anh và văn học Mỹ, giúp học viên hiểu thêm về đất nước con người và nền văn học của Anh và Mỹ, đồng thời nâng cao kỹ năng đọc-viết học thuật cũng như tư duy phê phán. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kiến thức về văn học Anh Mỹ để phân tích và cảm nhận tác phẩm, đồng thời có cái nhìn so sánh đối chiếu với văn học Việt Nam.

8.22. Phiên dịch tiếng Anh nâng cao (Advanced English Interpreting)

Mã học phần: FL7223

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 2

Học phần trang bị cho học viên các kỹ năng thực hành phiên dịch thực tế như kỹ năng ghi nhớ, ghi chép, phân tích và giải mã thông tin, kỹ năng nói trước công chúng. Thông qua các bài luyện dịch thuộc các chủ đề khác nhau, học viên có thể mở rộng kiến thức nền, củng cố vốn từ vựng và các phương pháp dịch.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể áp dụng các kỹ năng phiên dịch để thực hiện các nhiệm vụ dịch Anh-Việt, Việt Anh với những chủ đề quen thuộc khi dịch song song và dịch đuổi.

8.23. Lý thuyết Biên – Phiên dịch

Mã học phần: FL7226

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 2

Học phần trang bị cho học viên các lý thuyết cơ bản về các phương pháp biên dịch, phiên dịch và giúp học viên nắm được quy tắc đạo đức nghề nghiệp của nghề dịch.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể áp dụng các kiến thức về phương pháp biên, phiên dịch cũng như đạo đức nghề nghiệp của nghề dịch để thực hiện các nhiệm vụ dịch.

8.24. Đất nước học

Mã học phần: FL7227

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 2

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về nhiều phương diện khác nhau của đời sống xã hội Anh và Mỹ và một số nước nói tiếng Anh như lịch sử, địa lý, chính trị,

pháp luật, giáo dục, kinh tế, truyền thông, giao thông, phúc lợi xã hội v.v...qua đó nâng cao kiến thức nền cho học viên về đất nước, con người các nước nói Tiếng Anh.

8.25. Từ vựng học

Mã học phần: FL7228

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 2

Học phần trang bị cho học viên kiến thức về từ vựng học Tiếng Anh, bao gồm các hiện tượng tạo từ và các hiện tượng ngôn ngữ đặc trưng như mối quan hệ về nghĩa của từ (đồng nghĩa, trái nghĩa, đa nghĩa, từ đồng âm), các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, ngoa dụ, uyển ngữ v.v..), từ đó giúp học viên sử dụng từ vựng đúng văn cảnh.

Sau khi học xong học phần Từ vựng học tiếng Anh, học viên có thể sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác, đa dạng và linh hoạt hơn. Đồng thời, học viên có thể ứng dụng kiến thức vào nghiên cứu ngôn ngữ và công việc thực tế.

8.26. Ứng dụng CNTT trong giảng dạy

Mã học phần: FL7225

Số tín chỉ: 2 (2,0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn 1

Học phần trang bị cho học viên tổng quan kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, đặc biệt trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ. Học phần cũng trang bị cho học viên những kiến thức về vai trò, vị trí của ứng dụng công nghệ thông tin những công cụ công nghệ thông tin thường sử dụng trong giảng dạy. Học viên được hướng dẫn và thực hành các công cụ sử dụng phổ biến trong giảng dạy ngôn ngữ. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể nắm rõ kiến thức và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy và học ngoại ngữ, trong công việc chuyên môn và nghiên cứu.

8.27. Thực tập

Mã học phần: FL7224

Số tín chỉ: 9 (0,0,0,9)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần thực tập giúp cho người học thâm nhập môi trường làm việc thực tế, thể hiện sự thích ứng, tự định hướng để học hỏi, tích lũy kinh nghiệm chuyên môn tại doanh nghiệp.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể áp dụng kiến thức đã học vào công việc chuyên môn tại một doanh nghiệp, chủ động đề xuất giải pháp để cải tiến chất lượng công việc chuyên môn trong lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ Anh tại doanh nghiệp.

8.28.Đề án tốt nghiệp

Mã học phần: FL7221

Số tín chỉ: 9 (0,0,0,9)

Loại học phần: Bắt buộc

Đề án tốt nghiệp trang bị cho học viên kiến thức về thực hiện một công trình nghiên cứu có ý nghĩa khoa học, giá trị thực tiễn, ứng dụng cao về lĩnh vực Ngôn ngữ Anh. Học phần cũng giúp học viên phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn, kỹ năng dùng thực tiễn để kiểm chứng lý thuyết, kỹ năng viết và trình bày, kỹ năng bảo vệ đề tài nghiên cứu.

Sau khi hoàn thiện đề án tốt nghiệp, trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của người hướng dẫn khoa học, học viên có thể hoàn thành luận văn tốt nghiệp – một báo cáo khoa học về lĩnh vực Ngôn ngữ Anh. Trong đó, học viên ứng dụng kiến thức sâu rộng và tiên tiến về ngôn ngữ học tiếng Anh và phương pháp luận khoa học để tổng hợp, nghiên cứu, phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề ngôn ngữ; từ đó gợi ý định hướng hoặc đề xuất giải pháp góp phần đổi mới sáng tạo, hoàn thiện vấn đề ngôn ngữ phát sinh trong thực tiễn.

Sau khi học xong học phần này, người học có thể nắm vững phương pháp luận nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu ngành ngôn ngữ để bước đầu thực hiện và báo cáo nghiên cứu độc lập về các lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành Ngôn ngữ Anh.

9. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học uy tín cùng ngành đào tạo trong nước làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như Học viện KHXH-Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Trường ĐHNN-ĐH Đà Nẵng. Bên cạnh đó chương trình đào tạo cũng được đối sánh với chương trình đào tạo của Trường ĐH KU Leven -Bỉ và Trường ĐH Warwick -Anh là hai trường đại học có đào tạo ngành Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh.

Kết quả cho thấy các chương trình của các Trường Đại học trong nước được so sánh cùng ngành có số tín chỉ cho nhóm kiến thức tương đương phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, số tín chỉ các học phần tự chọn của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội còn thấp. Điều này phụ thuộc vào cách tiếp cận khi xây dựng chương trình.

***CTĐT của 02 trường ĐH trong nước**

1. Học viện KHXH-Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam (phiên bản năm 2016)

https://gass.edu.vn/SitePages/News_Detail.aspx?categoryId=95&itemId=39753

2. Trường ĐHNN-ĐH Đà Nẵng (Phiên bản năm 2019)

<https://docs.google.com/document/d/13b3yC2aP7Tml8KbdoJeo8ru1ZcvOhT7/edit>

***CTĐT của 02 trường ĐH nước ngoài**

1. Trường ĐH KU Leven -Bỉ (Phiên bản năm 2017)

https://onderwijsaanbod.kuleuven.be/opleidingen/e/CQ_50268973.htm#activetab=diploma_omschrijving

2. Trường ĐH Warwick -Anh (Phiên bản năm 2016)

<https://warwick.ac.uk>

9.1. Bảng đối chiếu chương trình đào tạo

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước		CTĐT tham khảo quốc tế		CTĐT hiện hành của đơn vị
	Học viên KHXH-Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	ĐHNN- ĐH Đà Nẵng	Warwick -Anh (Applied Linguistic)	KU Leven – Bỉ (Master of Education studies)	
1. Mục tiêu đào tạo	<p>Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu giúp người học nắm vững các phương pháp nghiên cứu Ngôn ngữ Anh; có năng lực nghiên cứu và làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng sử dụng hiệu quả các kết quả nghiên cứu vào thực hiện</p>	<p>- Đào tạo trình độ cao học ngành Ngôn ngữ Anh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của</p>	<p>-Phát triển kiến thức về lý thuyết ngôn ngữ ứng dụng và giáo dục -Phát triển kỹ năng nghiên cứu liên qua đến lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh -Hiểu được bản chất, phạm vi của lý thuyết, thực hành, khái niệm, nghiên</p>	<p>- Phát triển cá thái độ nghiên cứu và khả năng suy nghĩ, đánh giá một cách chủ động và phản biện, bao gồm cả khả năng tạo ra những sáng kiến mới. - Xây dựng thái độ cởi mở với</p>	<p>-Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành ngôn ngữ Anh được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo đội ngũ chuyên môn có kiến thức sâu rộng và tiên tiến về ngôn ngữ học tiếng Anh và các kiến thức khoa học liên quan; am hiểu về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói</p>

	<p>các công việc cụ thể như giảng dạy, dịch thuật, viết luận...</p>	<p>nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người học xong chương trình này sẽ có được một trình độ học vấn vững chắc, cơ bản về ngành trên diện rộng đồng thời có đủ khả năng tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu về Ngôn ngữ Anh. 	<p>cứu và mối quan hệ giữa chúng</p> <ul style="list-style-type: none"> -Phát triển tối đa tiềm năng học thuật của người học và giúp người học có định hướng phát triển con đường học thuật lâu dài -Phát triển khả năng đánh giá và tự đánh giá cho người học -Phát triển khả năng tương tác của người học với hoàn cảnh đa dạng nhưng lại có chung nhu cầu, kinh nghiệm và đam mê về chuyên môn. 	<p>những xu thế mới, điều kiện xã hội thay đổi và các vấn đề giáo dục hiện tại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết quan tâm đến mối quan hệ với người khác và thể hiện sự đồng cảm với người khác. - Đảm nhận các trách nhiệm xã hội và thể hiện định hướng đạo đức trong cách tiếp cận nghiên cứu và các vấn đề và quy trình 	<p>tiếng Anh, đồng thời vận dụng sáng tạo các kiến thức được học vào công việc chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Anh một cách hiệu quả. Học viên sau khi tốt nghiệp có các kỹ năng như kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng công nghệ phù hợp với công tác chuyên môn và nghiên cứu; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong lĩnh vực ngôn</p>
--	---	---	---	--	--

				<p>thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần sẵn sàng học tập suốt đời và luôn mong muốn theo kịp sự phát triển của khoa học. - Có khả năng chịu trách nhiệm về suy nghĩ và hành động của mình. - Chuẩn bị sẵn sàng hợp tác tập thể và liên ngành, thể hiện sự gần bó và yêu thích đối với giáo dục. 			<p>ngữ Anh. Học viên tích lũy phẩm chất, trau dồi kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp cần thiết; có khả năng tự định hướng, thích nghi với công việc; có khả năng hướng dẫn, dẫn dắt chuyên môn, đồng thời có khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến chất lượng công việc chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh, và có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.</p>
2. Thời gian	2 năm	2 năm	1 năm	1 năm	1,5 năm		

đào tạo							
3. Khối lượng tín chỉ toàn khoá	60	60	180	60	60	60	60
4. Cấu trúc CTĐT (Liệt kê tên học phần)							
- Khối kiến thức chung	13 TC	8 TC	0	0	0	3 TC	3 TC
	- Triết học (4TC) -Phương pháp luận NCKH Xã hội (4TC) -Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay (2TC) - Ngoại ngữ (3TC)	- Triết học (4TC) - Ngoại ngữ (4TC)				- Triết học (3TC)	
-Khối kiến thức cơ sở ngành	15 TC	24 TC	55 TC	16 TC	12 TC		

<p>- Các học phần bắt buộc</p>	<p>- Ngôn ngữ học đại cương (2TC) - PP NCKH trong ngôn ngữ học ứng dụng (2TC) -Tiếng Anh viết học thuật (3TC) -Ngôn ngữ học đối chiếu (2TC)</p>	<p>- PP NCKH (2 TC) - Ngôn ngữ học Đại cương (2 TC) - Ngôn ngữ học đối chiếu (2TC) - Ngôn ngữ học xã hội (2TC) - Ngôn ngữ học ứng dụng (2TC)</p>	<p>- Approaches to Written Discourse (15 TC) - Sociolinguistics of English as a Global Language (10 TC) -Spoken Interaction (10 TC)</p>	<p>- Migration and Transcultural Relationships in Educational Practices (5 TC) - Issues in Teacher and School development (6 TC)</p>	<p>-PP NCKH (3TC) - Ngôn ngữ học đại cương (3TC)</p>
<p>- Các học phần tự chọn (chọn 3/6 HP)</p>	<p>- Ngôn ngữ học tri nhận (2TC) - Ngữ pháp chức năng (2TC) - Nghiên cứu tiếng Anh như ngôn ngữ toàn cầu (2TC)</p>	<p>- Ngôn ngữ học khối liệu (2TC) - Dẫn luận ngữ pháp từ(2TC) - Phát triển các kĩ năng ngôn ngữ(2TC) - Ngôn ngữ và tiếp nhận văn học(2TC) - Ngữ nghĩa và tình thái trong ngữ pháp</p>	<p>- Specialism in Teacher Education and Development (20 TC) - Specialism in Classroom Motivation (20 TC) - Specialism in Intercultural</p>		<p>-Tiếng Anh viết khoa học (2TC) -Ngôn ngữ học xã hội (2TC) -Ngôn ngữ học ứng dụng (3TC) Ngôn ngữ học tri nhận (2TC) Ngôn ngữ học đối chiếu</p>

			chức năng(2TC) - Ngôn ngữ học tri nhận(2TC) - Cấu trúc ngôn ngữ(2TC) - Cách khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại(1TC) - Lý thuyết về giao tiếp ngôn ngữ(2TC) - Phong cách học(2TC)	Language Teaching and Learning (20 TC)	(2TC)
	11 TC	26 TC	65 TC	20 TC	27 TC
-Khởi kiến thức chuyên ngành	-Ngữ pháp lý thuyết tiếng Anh (3TC) - Ngữ âm và âm vị học tiếng Anh (2TC) - Nghiên cứu Giao tiếp giao văn hoá (2TC) -Nghiên cứu dịch thuật	- Ngữ âm âm vị (2TC) - Ngữ pháp học và ngữ pháp chức năng (2TC) - Ngữ nghĩa học(2TC) - Ngôn ngữ tâm lý học(2TC) - Ngữ dụng học(2TC)	- Foundations of TESOL Methodology hoặc Innovations in TESOL Methodology (15 TC)	-Educational Policy (5 TC) -Educational Psychology (5 TC) -History of Modern	-Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao (3TC) -Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (3TC) -Ngữ nghĩa học tiếng Anh (3TC) -Dịch thuật tài liệu
- Các học phần bắt buộc					

	(2TC) - Ngữ dụng học (2TC)		- SLA Insights for TESOL Practice (10 TC) - Foundations of TESOL Professional practice hoặc Professional practice in TESOL (20 TC) - Research methods in TESOL (10 TC)	Educational systems (5 TC) -Educational Effectiveness(5 TC)	chuyên ngành (3TC)
- Các học phần tự chọn (chọn 6/12 học phần)	- Tiếng Anh chuyên ngành (2TC) - Phân tích diễn ngôn (2TC) -Tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai (2TC)	- Tiếng Anh học thuật(2TC) - Ứng dụng công nghệ cao trong giảng dạy ngoại ngữ(2TC) - Tiếng Anh chuyên ngành(2TC) - Lý thuyết dịch(2TC)	- Literature and Drama in TESOL (10 TC) - Assessment in TESOL (10 TC) - Management and Leadership in TESOL (10 TC)		-Ngữ dụng học tiếng Anh (3TC) -Phân tích diễn ngôn (3TC) Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes) (3TC) -Ngôn ngữ và Giao tiếp

		- Giao thoa văn hoá(2TC) - Văn học Anh-Mỹ(2TC)	- Information Communications Technology (ICT) in TESOL (10 TC) - Teaching and Researching Young Language Learners (10 TC) - Corpora in TESOL (10 TC)		liên văn hóa (3TC) -Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (3TC) -Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (3TC) -Ngữ pháp chức năng (2TC) -Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (3TC)
5. Thực tập và học phần tốt nghiệp					18
Thực tập	0	0	0	0	9
Đề án tốt nghiệp	21	10	60	24	9

9.2. Bảng so sánh với các phiên bản khối kiến thức CTĐT trước đó của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Phiên bản năm	2019	2021
Khối giáo dục		
Khối kiến thức chung	8	3
Khối cơ sở ngành	12	12
Khối chuyên ngành	20	27
Đề án tốt nghiệp	10	9
Thực tập	10	9
Tổng	60	60

9.3. Bảng so sánh với các phiên bản các học phần CTĐT trước đó của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Phiên bản năm	2019	2021
Học phần		
Kiến thức chung		
Triết học (Philosophy)	X	X
Ngoại ngữ *	X	X
Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methodology)	X	0
Kiến thức Cơ sở ngành		
Bắt buộc		
Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	X	X
Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied linguistics)	X	X
Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao (Advanced Research Methodology)	0	X
Tự chọn		
Tiếng Anh viết khoa học (Scientific Academic Written English)	X	X

Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	X	X
Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ (ICTs in Education)	0	X
Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	X	X
Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	X	X
Kiến thức Chuyên ngành		
Bắt buộc		
Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology)	X	X
Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)	X	X
Ngữ nghĩa học tiếng Anh (English Semantics)	X	X
Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)	X	X
Tự chọn		
Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics)	X	X
Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	X	X
Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	X	X
Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)	X	X
Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	X	X
Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Assessment)	X	X
Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	X	X
Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ	X	X

(Language Curriculum Design)		
Thực tập	X	X
Luận văn/Đề án tốt nghiệp	X	X

10. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021..

KT HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phạm Văn Bông

Hoàng Ngọc Tuệ

PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Các văn bản pháp lý

- Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của BGD&ĐT 2016;

- Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;

- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Căn cứ Quyết định 41/QĐ-ĐHCN ngày 06/01/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Căn cứ Quy định kèm theo Quyết định số 351/QĐ-ĐHCN ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

II. Khung chương trình các trường đại học khác:

*CTĐT của 02 trường ĐH trong nước

1. Học viện KHXH-Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

https://gass.edu.vn/SitePages/News_Detail.aspx?categoryId=95&itemId=39753

2. Trường ĐHNN-ĐH Đà Nẵng

<https://docs.google.com/document/d/13b3yC2aP7Tml8KbdoJeo8ru1ZcvOhT7/edit>

*CTĐT của 02 trường ĐH nước ngoài

1. Trường ĐH KU Leven -Bi

https://onderwijsaanbod.kuleuven.be/opleidingen/e/CQ_50268973.htm#activetab=diploma_omschrijving

2. Trường ĐH Warwick -Anh

<https://warwick.ac.uk>

*Các tài liệu tham khảo khác

1. Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 quy định Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ.

(<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-23-2021-TT-BGDĐT-Quy-che-tuyen-sinh-va-dao-cao-trinh-do-thac-si-486650.aspx>)

2. Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016)
(<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyet-dinh-1982-QD-TTg-phe-duyet-khung-trinh-do-quoc-gia-Viet-Nam-2016-327841.aspx>)
3. Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 quy định Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam.
(<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-01-2014-TT-BGDĐT-Khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-Viet-Nam-220349.aspx>)
4. Hướng dẫn thủ tục, quy trình cập nhật, chỉnh sửa CTĐT trình độ Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ do Trường ĐH Công nghiệp Hà nội ban hành.
(QT/7.3/ĐT/CNCTĐT ban hành ngày 15/1/2019)
5. Kế hoạch số 27/KH-ĐHCN về việc đánh giá, cải tiến CTĐT trình độ thạc sĩ năm 2021 của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.